

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO YÊN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21-12-2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Giang Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Thế Xương
2. Ông Nguyễn Văn Mạnh

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Dần - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Ngày 21/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2021/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/12/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ 8B thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai

Có mặt.

Bị đơn: Anh Chu Văn T, sinh năm: 1967

Địa chỉ: Số 6 ngách 108/42 N, quận T, Hà Nội

Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 13/10/2021, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thị N trình bày:

Chị và anh Chu Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/3/2006 tại UBND phường N, quận T, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính cách nhau, không có tiếng nói chung bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ngoài ra anh T không làm tròn trách nhiệm người chồng người cha, bỏ mặc chị một mình nhiều năm nay nuôi con. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không khắc phục được, từ năm 2007 đến nay anh chị đã sống ly thân mỗi người một

nơi không ai quan tâm gì tới nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn anh Chu Văn T.

Về con chung, vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Chu Việt D sinh ngày 04/10/2006. Chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị trực tiếp nuôi cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Ngoài ra hiện nay anh chị không có tài sản chung và công nợ chung.

Đối với bị đơn anh Chu Văn T, tại bản tự khai ngày 07/10/2021 anh T thừa nhận quá trình chung sống với chị N được một thời gian ngắn thì có mâu thuẫn xảy ra và nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nhau, cuộc sống có nhiều bất đồng quan điểm không thống nhất được với nhau. Anh và chị N đã sống ly thân nhiều năm nay không quan tâm gì tới nhau, anh ở Hà Nội còn chị N và con sinh sống tại huyện B, tỉnh Lào Cai, nay chị N xin ly hôn thì anh T cũng nhất trí ly hôn. Về con chung, anh nhất trí để chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Chu Việt D và anh không cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Ngoài ra anh cũng thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung.

Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, bị đơn không cung cấp chứng cứ gì. Đối với vụ án này Tòa án không tiến hành hoà giải được do vắng mặt bị đơn, Tòa án đã hỏi ý kiến của cháu Chu Việt D và cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Hoàng Thị N có đơn yêu cầu giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với anh Chu Văn T, chị N và anh T có văn bản thoả thuận yêu cầu Toà án nhân dân huyện Bảo Yên thụ lý giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Toà án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì chị N và anh T đăng ký kết hôn ngày 10/3/2006 tại UBND phường N, quận T, Hà Nội, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau anh chị có mâu thuẫn xảy ra do không hợp tính nhau bất đồng quan điểm sống, anh chị đều thừa nhận đã sống ly thân không ai quan tâm tới nhau, theo xác nhận của chính quyền địa phương thì anh chị đã sống ly thân từ năm 2007. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã thực sự trầm trọng, anh chị đã không còn chung sống cùng nhau nhiều năm nay nên mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N xử cho chị N ly hôn anh T.

[3]. Về con chung: Chị N và anh T có một con chung là cháu Chu Việt D sinh ngày 04/10/2006, hiện nay cháu đang sống cùng chị N và có nguyện vọng ở với mẹ. Chị N đã cung cấp chứng cứ chứng minh về công việc và thu nhập của

chị có đủ khả năng nuôi dưỡng con chung và anh T có lời khai nhất trí để chị N nuôi con chung. Bản thân cháu D có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng mẹ đẻ. Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu D cho chị trực tiếp nuôi dưỡng để cháu được ổn định cuộc sống và học tập. Do chị N không có yêu cầu về cấp dưỡng nên anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung và công nợ chung: các đương sự đều trình bày không có tài sản chung và công nợ chung, không đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử cho chị Hoàng Thị N ly hôn anh Chu Văn T.

2/ Về con chung, xử giao cháu Chu Việt D sinh ngày 04/10/2006 cho chị Hoàng Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Chu Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0003366 ngày 13/10/2021. Chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LC;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện Bảo Yên (2);
- UBND phường N,
Q.T, Hà Nội;
- Đường sự (2);
- Chi cục THADS Bảo Yên;
- Lưu HS, VP.

Hoàng Thị Giang Thanh

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Giang Thanh

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Giang Thanh